

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành, ông Phạm Công Gia

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 37, ấp Th, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Duy L1**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 37, ấp Th, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T1, thị xã Ph1, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định ngày 04/01/2010.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Chị đã cố gắng chịu đựng và tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Chị và anh L1 đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2010 và Hoàng Nguyễn Thiên A1, sinh ngày 24/10/2012. Khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/02 con chung.

- Về tài sản: Chị L trình bày tự thỏa thuận và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2023 anh L1 trình bày:

- Vấn đề ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2010 và Hoàng Nguyễn Thiên A1, sinh ngày 24/10/2012. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 4.000.000 đồng/02 con chung.

- Về tài sản: Tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Về hôn nhân: Cho chị L được ly hôn với anh L1. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi các con chung. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/02 con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung nên không xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh L1, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn và anh L1 là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh L1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, thị xã Ph1, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định ngày 04/01/2010. Như vậy, hôn nhân của chị L, anh L1 là hợp pháp.

Xét lời khai của chị L và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị L trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh L1.

Bản thân anh L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến chị L, không có thiện chí đoàn tụ gia đình.

Qua xác minh tại địa phương đã xác định được gia đình chị L, anh L1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Chị L, anh L1 đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị L và anh L1 đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về nuôi con: Chị L, anh L1 có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2010 và Hoàng Nguyễn Thiên A1, sinh ngày 24/10/2012. Khi ly hôn chị L đồng ý giao 02 con chung cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/02 con chung; anh L1 cũng đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 4.000.000 đồng/02 con chung.

Xét thấy, từ sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không còn sống chung với nhau các con chung do anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cũng đồng ý giao các con chung cho anh L1 nuôi dưỡng. Ngoài ra cháu Hoàng Nguyễn Minh A và cháu Hoàng Nguyễn Thiên A1 là con chung trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với anh L1.

Do con chung còn nhỏ, quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người anh L1, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý của con chung. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho anh L1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con: Xét thấy, hiện nay chị L đang làm công nhân lương mỗi tháng là 5.505.392 đồng (Bút lục 14), nay chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/02 con chung, là phù hợp với mức thu nhập thực tế của chị L, theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho con của chị L. Anh L1 yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 4.000.000 đồng/02 con chung không phù hợp với thu nhập thực tế của chị L nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản: Chị L và anh L1 trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Hoàng Duy L1.

- Về nuôi con: Giao cho anh Hoàng Duy L1 trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Nguyễn Minh A, sinh ngày 02/4/2010 và Hoàng Nguyễn Thiên A1, sinh ngày 24/10/2012. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/02 con chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh L1 khai tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003133 ngày 16-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T1 (Số 01, ngày 04/01/2010) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại

